

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 05/9/2024  
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con  
khi ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trọng Dương và bà Bạc Thị Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Mạnh, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 86/2024/TLST-HN&GD ngày 30 tháng 5 năm 2024 về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2024/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; sinh năm 2002; địa chỉ: Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lò Văn K, sinh năm 1993; địa chỉ: Bản K, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29 tháng 5 năm 2024 và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 10 tháng 8 năm 2021; kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Sau khi đăng ký kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không có tiếng nói chung. Hơn nữa anh K không tu chí làm ăn và đi vào con đường chơi bời cờ bạc; đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện nhưng anh K vẫn không thay đổi. Do thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến tháng 11/2023 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ tại Bản K, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên để sinh sống cho đến nay. Từ khi sống ly thân không còn liên lạc,

quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Lò Văn K.

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K có 01 con chung Lò Thị Yến N, sinh ngày 23/11/2021. Hiện nay cháu Lò Thị Yến N đang sống cùng với chị T tại bản Khén, xã X, huyện M, tỉnh Điện Biên. Khi ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu Lò Thị Yến N cho chị T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn; nên có đơn đề nghị miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn K. Quá trình tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải chị T có mặt, anh K vắng mặt, nên Tòa án đã thông báo kết quả việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ cho anh K theo quy định của pháp luật.

**Kết quả xác minh tại chính quyền bản K, xã C: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống thời gian đầu cuộc sống cũng diễn ra bình thường như bao gia đình khác ở địa phương. Chị T đi làm xa, vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn, anh K hiện đang bị truy nã do có liên quan đến đường dây mua bán trái pháp chất ma túy đến nay vẫn đang trốn. Thời điểm anh K chưa bị truy nã, khi đi khỏi địa phương làm ăn xa cũng không báo với chính quyền địa phương hoặc có đăng ký tạm vắng theo quy định. Đến cuối năm 2023 chị T không quay về bản Kép, xã C mà bỏ về bản Khén, xã X, huyện M ở cho đến nay. Về con chung của chị T và anh K nên giao cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con trẻ.**

*Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:*

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị Thanh ly hôn với anh Lò Văn K; giao con chung là Lò Thị Yến N, sinh ngày 23/11/2021 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí

dân sự sơ thẩm; do đó đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị T với anh Lò Văn K; thì được xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh K có nơi ĐKTT tại bản Kép, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định tại Điều 174; Điều 175; Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 21/8/2024, anh K vắng mặt không có lý do Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa 05/9/2024, anh K vắng mặt không có lý do, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc đưa ra xét xử vắng mặt của các đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi của đương sự và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K đăng ký kết hôn ngày 10 tháng 8 năm 2021 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; kết hôn trên cơ sở tự nguyện; không ai ép buộc; thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn; nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh K là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn thì thấy: Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thông báo để thực hiện việc hòa giải cho các đương sự quay về đoàn tụ, nhưng anh K không có mặt để tiến hành hòa giải, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho chị T và anh K đoàn tụ. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh K đã có rạn nứt, không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở. Vì vậy căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị Thanh ly h với anh Lò Văn K.

[3]

Về con chung: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K có 01 con chung là: Lò Thị Yến N, sinh ngày 23/11/2021. Xét nguyện vọng của chị T thì thấy: Tính đến thời điểm xét xử, con chung của chị T và anh K chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định sẽ giao cho người mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa trong thời gian qua, con chung đã được chị T nuôi dưỡng ổn định, cuộc sống được đảm bảo; vì vậy để con chung của chị T và anh K có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; HĐXX căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều

82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận về yêu cầu giao nuôi con chung của chị T. Việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T, xét thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí; Hội đồng xét xử xét thấy chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và chị T có đơn đề nghị miễn án phí; vì vậy chị T đủ điều kiện được xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Áp dụng:**

- Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 24 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn K.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Thị Yến N, sinh ngày 23/11/2021 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động. Không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh K thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Nơi nhận*

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Dương sự;
- UBND xã Chiềng Sinh;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị Nga**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN CỦA HĐXX**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Thanh Thùy    Bạc Thị Hồng**

**Lương Thị Nga**







